

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƠN LA

GIÁO TRÌNH

MÔ ĐUN: NUÔI VÀ PHÒNG TRỊ BỆNH CHO ĐỘNG VẬT HOANG DÃ

NGHỀ: CHĂN NUÔI - THÚ Y.

TRÌNH ĐỘ: CAO ĐẲNG

(Lưu hành nội bộ)

*Ban hành kèm theo Quyết định số: 626/QĐ-CĐSL, ngày 08 tháng 9 năm 2023
của Trường Cao đẳng Sơn La*

Sơn La, năm 2023

TUYÊN BỐ BẢN QUYỀN

Tài liệu này thuộc loại sách giáo trình nên các nguồn thông tin có thể được phép dùng nguyên bản hoặc trích dùng cho các mục đích về đào tạo và tham khảo.

Mọi mục đích khác mang tính lệch lạc hoặc sử dụng với mục đích kinh doanh thiếu lành mạnh sẽ bị nghiêm cấm.

LỜI GIỚI THIỆU

Giáo trình mô đun “ Nuôi và phòng trị bệnh cho động vật hoang dã” cung cấp cho học viên những kiến thức và kỹ năng thực hành về chăn nuôi một số loài động vật hoang dã (ĐVHD) tiêu biểu. Tài liệu có giá trị hướng dẫn học viên học tập và có thể tham khảo để vận dụng trong thực tế sản xuất.

Giáo trình này là mô đun thứ 30 trong chương trình đào tạo cao đẳng nghề Thú y. Môn học này gồm có các bài như sau:

Bài mở đầu: Tầm quan trọng và mục tiêu nuôi động vật hoang dã

Bài 1: Nuôi và phòng trị bệnh cho dúi

Bài 2: Nuôi và phòng trị bệnh cho lợn rừng

Bài 3: Nuôi và phòng trị bệnh cho chim trĩ đỏ

Sơn La, năm 2023

MỤC LỤC

BÀI MỞ ĐẦU: TÂM QUAN TRỌNG VÀ MỤC TIÊU NUÔI ĐỘNG VẬT HOANG DÃ	4
1. Nội dung chính:	4
2. Vai trò của động vật hoang dã.....	4
3. Phân loại học.....	5
4. Những đặc tính chung của ĐVHD	6
5. Những lợi ích chung của chăn nuôi ĐVHD	7
6. Các phương pháp và mục tiêu của nuôi ĐVHD.....	7
CÂU HỎI LÝ THUYẾT	7
BÀI 1: NUÔI VÀ PHÒNG TRỊ BỆNH CHO DÚI	
1. Nội dung chính:	9
2. Phân loại	9
3. Đặc điểm sinh học	10
4. Kỹ thuật nuôi.....	11
5. Bệnh và phòng bệnh	15
6. Sản phẩm - Hiệu quả kinh tế	17
CÂU HỎI LÝ THUYẾT	17
Ghi nhớ:.....	17
BÀI 2: NUÔI VÀ PHÒNG TRỊ BỆNH CHO LỢN RỪNG	
1. Nội dung chính:	18
2. Phân loại	18
3. Đặc điểm sinh học Lợn rừng.....	19
4. Kỹ thuật nuôi Lợn rừng.....	30
CÂU HỎI LÝ THUYẾT	35
Ghi nhớ:.....	35
BÀI 3: NUÔI VÀ PHÒNG TRỊ BỆNH CHO CHIM TRĨ ĐỎ	
Giới thiệu:	36

1. Đặc điểm sinh lý	36
2. Thức ăn	40
3. Chuồng trại.....	40
4. Chăm sóc nuôi dưỡng	43
5. Thú y	48
6. Thực hành	52
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	53

GIÁO TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Nuôi và phòng trị bệnh cho động vật hoang dã

Mã môn học: MĐ30

Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Mô đun chăn nuôi động vật hoang dã là mô đun chuyên ngành trong chương trình đào tạo trình độ cao đẳng nghề, nghề thú y.

- Tính chất: Mô đun giới thiệu những kiến thức cơ bản về đời sống, kỹ thuật chăm sóc nuôi dưỡng và công tác phòng, trị bệnh ở động vật hoang dã.

Mục tiêu của mô đun:

- **Về kiến thức:** Mô tả được đời sống sinh hoạt của các loại động vật hoang dã, cách chẩn đoán phòng và trị bệnh các động vật hoang dã ở các cơ sở chăn nuôi

- **Về kỹ năng:** Vận dụng kiến thức chuyên ngành để chủ động, tích cực trong giải quyết những vấn đề phòng, trị bệnh trên động vật hoang dã lây lan cho người, vật nuôi khác.

- **Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:** Chủ động trong học tập, tích cực tham khảo các mô hình nuôi động vật hoang dã mới.

Nội dung của mô đun:

Bài mở đầu
TÂM QUAN TRỌNG VÀ MỤC TIÊU NUÔI VÀ PHÒNG TRỊ BỆNH CHO
ĐỘNG VẬT HOANG DÃ

Mã bài: 01

Giới thiệu:

Bài này giới thiệu về vị trí và tầm quan trọng, vai trò của động vật hoang dã, phân loại học, những đặc tính chung, lợi ích chung của ĐVHD. Các phương pháp và mục tiêu của nuôi ĐVHD.

Mục tiêu: học xong bài này người học có khả năng:

- Trình bày được vị trí và tầm quan trọng của động vật hoang dã
- Phân loại được các nhóm động vật hoang dã tiêu biểu
- Trình bày được phương pháp và mục tiêu của nuôi ĐVHD

Nội dung chính:

1. Vị trí và tầm quan trọng

Trái Đất của chúng ta là Mạng lưới sự sống lớn nhất. Trong mạng lưới này, tất cả các loài sinh vật (thực vật, động vật, vi sinh vật, thậm chí là con người) đều có vai trò bình đẳng như nhau. Mỗi loài là một mắt xích quan trọng có mối liên hệ qua lại và phụ thuộc lẫn nhau về mặt dinh dưỡng hoặc nơi ở (nơi trú ẩn). Trong tự nhiên, con người không thể sống thiếu các loài ĐVHD và các loài ĐVHD cũng không thể sống thiếu các loài sinh vật khác (hay nói cách khác con người và các loài ĐVHD không thể sống đơn độc). Mỗi loài cần có các loài sinh vật khác để tồn tại và phát triển. Khi một loài sinh vật hoặc ĐVHD nào đó mất đi hoặc suy giảm thì sẽ ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp tới các loài sinh vật khác, sau đó ảnh hưởng tới hệ sinh thái và ảnh hưởng trực tiếp tới con người.

2. Vai trò của động vật hoang dã

Là một bộ phận quan trọng của hệ sinh thái, ĐVHD có nhiều giá trị to lớn, trong đó giá trị quan trọng nhất chính tạo ra hệ sinh thái bền vững, diễn thế theo con đường tự nhiên. ĐVHD là thành tố của nhiều quá trình trao đổi chất quan trọng trong tự nhiên, tạo lên các mắt xích trong chuỗi thức ăn hay lưới thức ăn. Ngoài ra, nhiều loài ĐVHD đặc hữu mang các gen quý chứa đựng những tính trạng tốt mà các loài động vật khác không có. Thông qua các loài hoang dã này, con người có thể nghiên cứu, khai thác và sử dụng một cách hợp lý các gen này đạt hiệu quả cao nhất. Thêm vào đó, ĐVHD còn mang lại nhiều giá trị khác về mặt kinh tế như là nguồn thức ăn, nguyên liệu công nghiệp, phân bón, dược liệu quý hoặc được sử dụng cho nghiên cứu khoa học và giáo dục... Bên cạnh các tác động tích cực này, ĐVHD trong một số trường hợp cũng là nguyên nhân trực tiếp hoặc gián tiếp gây ra những bệnh dịch nguy hiểm cho con người. Một số đại dịch hiện nay như SARS, EBOLA, MER ... đều có nguồn

gốc từ ĐVHD. Không những vậy, một số loài “thú dữ” cũng có thể gây hại, tấn công con người hoặc tàn phá lương thực, mùa màng. Tuy nhiên, có thể thấy ĐVHD có các tác động tích cực là chủ yếu và từ đó thúc đẩy nhiệm vụ phải bảo tồn các loài ĐVHD vì chính cuộc sống của con người.

Các loài ĐVHD mang lại rất nhiều giá trị cho con người và thiên nhiên như:

- Giá trị sử dụng (hay là giá trị kinh tế) như: nhu yếu phẩm, thuốc men, các chất bảo vệ nông nghiệp... mà con người khai thác được từ thiên nhiên.

- Giá trị sinh thái như: bảo tồn nguồn gen, bảo tồn loài, đóng góp cho đa dạng sinh học, giúp cho hệ sinh thái cân bằng, bảo vệ môi trường và chống biến đổi khí hậu...

- Giá trị văn hoá tinh thần như: thơ ca, nhạc, hoạ, đồ dùng, thiết bị lấy cảm hứng từ thiên nhiên.

- Giá trị nghiên cứu, khoa học và nghỉ dưỡng như: nghiên cứu y học, nghiên cứu môi trường và hoạt động du lịch.

- Giá trị kế thừa (giá trị tồn tại) của để dành cho thế hệ mai sau.

3. Phân loại học

ĐVHD có thể được phân loại dựa trên nhiều tiêu chí khác nhau như đặc điểm sinh học, mức độ nguy cấp hay địa điểm phân bố. Tuy nhiên, luận văn chỉ tiến hành phân loại ĐVHD dựa trên mức độ nguy cấp và địa điểm phân bố của các loài này - là hai phương thức phân loại hiện đang được đề cập trong các văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ ĐVHD ở Việt Nam.

Thứ nhất, phân loại dựa trên mức độ nguy cấp của các loài ĐVHD.

Theo mức độ nguy cấp, có thể phân chia các loài ĐVHD thành ĐVHD thông thường và ĐVHD nguy cấp, quý, hiếm.

Trong đó, hiện nay pháp luật chưa đưa ra khái niệm ĐVHD thông thường nhưng có thể hiểu ĐVHD thông thường là các loài động vật sinh sống trong các môi trường tự nhiên khác nhau, số lượng cá thể còn nhiều trong tự nhiên và chưa bị đe dọa tuyệt chủng.

Trong khi đó, hiện nay pháp luật Việt Nam đưa ra nhiều khái niệm có liên quan đến ĐVHD nguy cấp, quý, hiếm. Nhìn chung, có thể thấy hai đặc tính cơ bản của loài nguy cấp, quý, hiếm nói chung là “có giá trị đặc biệt về kinh tế, khoa học, môi trường” và “số lượng còn ít trong tự nhiên hoặc có nguy cơ tuyệt chủng”. Trong một số trường hợp, hai yếu tố này có mối liên hệ chặt chẽ với nhau bởi lẽ chính các “giá trị đặc biệt” đã khiến các loài ĐVHD này bị săn bắt, khai thác nhiều hơn trong tự nhiên và vì thế số lượng còn ít hoặc có nguy cơ tuyệt chủng.

Trên thế giới, các loài ĐVHD nguy cấp, quý, hiếm cũng được các tổ chức hoặc chuyên gia phân loại theo nhiều cách thức khác nhau. Một trong các cách thức phân

loại thường được các nhà khoa học tham khảo là phân loại ĐVHD của Liên minh IUCN.

Từ năm 1963, Liên minh IUCN thường xuyên phát hành Sách đỏ (tiếng Anh: IUCN Red List of Threatened Species, IUCN Red List hay Red Data List) 10 là danh sách về tình trạng bảo tồn và đa dạng của các loài động vật và thực vật trên thế giới. Trong đó, các loài ĐVHD được chia thành các cấp độ nguy cấp như sau:

- Extinct EX (tuyệt chủng) - Extinct in the Wild EW (tuyệt chủng trong tự nhiên)
- Critically Endangered CR (cực kỳ nguy cấp, có nguy cơ tuyệt chủng)
- Endangered EN (nguy cấp cao)
- Vulnerable VU (bị đe dọa, sắp nguy cấp)
- Near Threatened NT (sắp bị đe dọa hoặc nguy cơ nhẹ)
- Least Concern LC (ít quan tâm)
- Data Deficient DD (không đủ dữ liệu)
- Not Evaluated NE (không phân loại hoặc không đánh giá)

Tại Việt Nam, các nhà khoa học của Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam cũng đã xây dựng Sách đỏ Việt Nam trong đó các tiêu chuẩn được xây dựng trên nền tảng tiêu chuẩn của IUCN nhưng có nghiên cứu đến hiện trạng phân bố quần thể loài ở Việt Nam.

Hiện nay, nhiều người cho rằng các loài ĐVHD nguy cấp, quý, hiếm là các loài ĐVHD được liệt kê trong Sách đỏ Việt Nam hoặc Sách đỏ thế giới. Tuy nhiên, trên thực tế các danh mục Sách đỏ này chỉ mang tính chất tham khảo và không có ý nghĩa trong quá trình thực thi pháp luật về bảo vệ ĐVHD. Trong quy định của pháp luật Việt Nam, các loài ĐVHD sẽ được coi là nguy cấp, quý, hiếm và được pháp luật bảo vệ chặt chẽ nếu nằm trong các Phụ lục của CITES (các loài có tên trong các Phụ lục I, II); Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ ban hành kèm theo Nghị định 160/2013/NĐCP ngày 12/11/2013 của Chính phủ về tiêu chí xác định loài và chế độ quản lý loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ (Nghị định số 160/2013/NĐCP); động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm thuộc nhóm IB và IIB Danh mục loài

4. Những đặc tính chung của ĐVHD

Còn ít công trình khoa học nghiên cứu về gây nuôi động vật hoang dã

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cũng đã ban hành các quy phạm kỹ thuật nuôi trồng, rắn hổ mang và cá sấu

Viện chăn nuôi Việt Nam đã thực hiện một số các công trình nghiên cứu về nuôi sinh sản động vật hoang dã như dúi, Lợn rừng, hươu sao..

Hoạt động nuôi sinh sản động vật hoang dã ở Việt Nam vẫn chủ yếu dựa vào kinh nghiệm dân gian, theo các “bí quyết gia đình” và còn thiếu liên kết, chia sẻ thông tin giữa các bên liên quan.

Năm 2003 số lượng động vật, thực vật hoang dã nuôi nhốt tại 23 tỉnh và thành phố khoảng 1.400.624 cá thể

Đến năm 2005 theo số liệu thống kê từ 24 tỉnh, thành phố có 579 cơ sở gây nuôi và trồng cây động vật hoang dã

Hiện nay, theo thống kê của Tổng cục Lâm nghiệp trên cả nước có trên 700 cơ sở gây nuôi các loài động vật hoang dã được đăng ký với số đầu vật nuôi lên đến hàng triệu cá thể

5. Những lợi ích chung của chăn nuôi ĐVHD

Công ước về buôn bán quốc tế các loài động, thực vật hoang dã nguy cấp (CITES). Việt Nam chính thức là thành viên 121 của CITES năm 1994.

CITES không nhằm cấm buôn bán, gây nuôi động, thực vật hoang dã. CITES đảm bảo các loài được gây nuôi, buôn bán bền vững.

Việt Nam được xác định là một trong các quốc gia có đầy đủ cơ sở pháp lý thực hiện CITES theo quy định của công ước.

Các trại nuôi động vật hoang dã xuất khẩu được đăng ký, kiểm tra, giám sát bởi cơ quan chức năng.

Công ước đa dạng sinh học (CBD) được thiết lập năm 1992, năm 1994 Việt Nam chính thức trở thành thành viên của CBD.

Mục tiêu của CBD là bảo tồn và sử dụng bền vững tài nguyên đa dạng sinh học. Tiếp cận nguồn gen hợp lý, hài hòa, áp dụng phương pháp bảo tồn nội vi và ngoại vi.

Việc quản lý hoạt động gây nuôi tại Việt Nam ngoài ý nghĩa kinh tế cũng còn nhằm sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên cũng như tạo cơ sở cho các nghiên cứu về bảo tồn ngoại vi động vật hoang dã.

6. Các phương pháp và mục tiêu của nuôi ĐVHD

Nuôi động vật hoang dã hay còn gọi gọn là nuôi thú rừng là hoạt động nuôi nhốt động vật với đối tượng là các loài động vật hoang dã chưa thuần hóa (vật nuôi đặc sản) trong môi trường nông nghiệp (hình thức các trang trại nuôi động vật hoang dã, trại thú) để sản xuất ra các sản phẩm động vật như các cá thể động vật sống cung cấp cho nhu cầu săn bắn chiến phẩm và cung cấp cho thị trường động vật nuôi làm thú cưng, hoạt động gây nuôi động vật hoang dã còn cung cấp các mặt hàng như thực phẩm như thịt rừng và các nguyên liệu đông y, y học cổ truyền và các nguyên vật liệu cho ngành may mặc, thời trang như da, lông thú và sợi, len thú.

CÂU HỎI LÝ THUYẾT